| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐP**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 5 - 2020
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Bùi Văn Lao

Bà Nguyễn Thị Sen

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 334/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Nh, xã ĐT, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Đội 4, xã PĐ, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PĐ, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội vào ngày 05/3/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc vì anh D ham chơi bời bạn bè, không quan tâm vợ, con và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ

khác, không đỡ đần chị về kinh tế để nuôi con. Vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát cãi cọ và đã có lần chị gửi đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn. Từ khoảng tháng 9 năm 2018 đến nay chị và anh D đã sống ly thân nhau, chị về sống ở nhà bố mẹ đẻ của chị ở Thôn Nh, xã ĐT, huyện HĐ còn anh D ở tại nhà của anh D, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D, không muốn tiếp tục kéo dài hôn nhân với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 29/6/2012 và cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 29/10/2013. Hiện nay, cháu D1 đang ở với anh D, cháu Th đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu Th và để anh D nuôi cháu D1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công sức của chị với gia đình anh D và các khoản nợ chung: Chị L khai chị và anh D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Bị đơn là anh Nguyễn Văn D, sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Trần Thị L, Tòa án đã thông báo cho anh D biết các yêu cầu khởi kiện của chị L. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập để anh D đến Tòa án trình bày ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt.

Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L và anh D chung sống trong thời kỳ hôn nhân về tình trạng hôn nhân của anh, chị thì thấy trong thời gian chung sống, giữa chị L và anh D cũng xảy ra mâu thuẫn. Khoảng từ cuối năm 2018 chị L đã cùng với cháu Nguyễn Hữu Th rời khỏi nhà và không chung sống cùng với anh D và cháu Nguyễn Văn D1

Tòa án cũng trao đổi với Phòng Lao động - Thương binh xã hội huyện ĐP về nội dung liên quan đến quyền nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Hữu Th. Phòng Lao động - Thương binh xã hội huyện ĐP có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét và quyết định để đảm bảo cho các cháu có một cuộc sống ổn định và được chăm sóc tốt nhất, hạn chế ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu.

Tại phiên tòa chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn anh D. và xin được nuôi cháu Nguyễn Hữu Th, chị đồng ý để anh D nuôi cháu Nguyễn Văn D1, chị và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật

Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D. Về con chung, giao cháu Nguyễn Hữu Th cho chị L nuôi, giao cháu Nguyễn Văn D1 cho anh D nuôi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về tài sản chung, không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị L có đơn xin ly hôn, giải quyết về quyền nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Anh D có địa chỉ tại xã PĐ, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện ĐP đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn là anh D đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt anh D theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn D trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký vào ngày 05/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, vì vậy xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Năm 2018 chị L đã xin giải quyết ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, chị L kiên quyết xin ly hôn, anh D đã được Toà án tống đạt hợp lệ về các phiên hoà giải nhưng không đến Toà để hoà giải, hàn gắn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh D có hai con chung là cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 29/6/2012 và Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 29/10/2013. Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Th và để anh D nuôi cháu D1. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của chị L là chính đáng. Về điều kiện nuôi con: cả chị L và anh D

đều có điều kiện để nuôi con; chị L và anh D đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Hiện nay anh D đang nuôi cháu D1, chị L đang nuôi cháu Th vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải thay đổi tình trạng hiện tại của các cháu nên quyết định giao cháu Nguyễn Hữu Th cho chị L nuôi, giao cháu Nguyễn Văn D1 cho anh D nuôi là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh D mỗi người nuôi một cháu, chị L không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L và anh D cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này, nếu anh D có yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng thì giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, 57, 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 29/10/2013 cho chị Trần Thị L nuôi, giao cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 29/6/2012 cho anh Nguyễn Văn D nuôi cho đến khi cháu Th, cháu D1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L và anh D cho đến khi cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Trần Thị L, anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0014245 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐP, TP. Hà Nội;
- UBND xã PĐ, huyện ĐP, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hà**